

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 9 – AN GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2025/HNGĐ – ST
Ngày: 30/12/2025
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng Bích và Huỳnh Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang.

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 409/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1990. Địa chỉ thường trú: số A, khóm T, phường L, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: số C, ấp P, xã P, TP Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số A, Khóm T, phường L, tỉnh An Giang.

(Bà N có đơn xin vắng mặt; ông H vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2025, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông H do mai mối, tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M (nay là phường L), tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 298 ngày 09/12/2011. Sau khi kết hôn, bà N và ông H sống hạnh phúc với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, đồng thời cả hai cũng đã có gia đình

riêng. Bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Minh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N1 sinh ngày 19/02/2011 và Nguyễn Phước T sinh ngày 23/11/2015. Hai con chung hiện nay đang sống với ông H. Sau khi ly hôn bà N đồng ý tiếp tục giao hai con cho ông H nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Minh H vắng mặt lần thứ hai.

+ Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, đề nghị:

Áp dụng các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

Về con chung: Giao Nguyễn Thị Ngọc N1, sinh ngày 19/02/2011 và Nguyễn Phước T, sinh năm 23/11/2015 cho ông Nguyễn Minh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng, về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định tại Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Hồng N với ông Nguyễn Minh H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại số A, khóm T, phường L, tỉnh An Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 9 –An Giang thụ lý giải quyết.

[1.2] Bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Minh H vắng mặt lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông H do mai mối, tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M vào ngày 09/12/2011. Sau khi kết hôn, bà N và ông H sống hạnh phúc với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau, đồng thời cả hai cũng đã có gia đình riêng. Bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà N và tạo thêm thời gian để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông H vì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn dẫn đến vợ chồng đã ly thân và hiện nay mỗi người đều đã có gia đình riêng. Mặt khác, ông H mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên ông H vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà N dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn với ông H.

[2.3] Về con chung: Bà N và ông H có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N1 sinh ngày 19/02/2011 và Nguyễn Phước T sinh ngày 23/11/2015, hiện cháu N1 và cháu T đang do ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Lời khai của bà N phù hợp với bản sao trích lục khai sinh số 386/GKS-BS ngày 29/7/2025 và số 521/GKS-BS ngày 28/8/2020 do Ủy ban nhân dân phường B

cấp. Xét thấy, hiện nay cháu N1 và T đang sống với ông H, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có ra thông báo số 409/TB-TA ngày 28/10/2025 yêu cầu ông Nguyễn Minh H đưa hai cháu đến Tòa án để thực hiện thủ tục ghi nguyện vọng của hai cháu theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, ông H vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án, mặt khác bà N cũng không tranh chấp về con chung và đồng ý để ông H tiếp tục nuôi hai con chung. Do đó nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao hai con chung cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông H không có yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, bà N cũng không đồng ý cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Minh H và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà Nguyễn Thị Hồng N được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình phải tôn trọng quyền được nuôi con của người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và khoản 1 Điều 280; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N. Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Minh H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc N1 sinh ngày 19/02/2011 và Nguyễn Phước T sinh ngày 23/11/2015 cho ông Nguyễn Minh H được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Nguyễn Minh H và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà Nguyễn Thị Hồng N được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình phải tôn trọng quyền được nuôi con của người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002637 ngày 30/9/2025 của Thi hành dân sự tỉnh A (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – An Giang). Bà Nguyễn Thị Hồng N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đức Anh

